

Số: 364/TTr-CP

Hà Nội, ngày 02 tháng 7 năm 2026

TỜ TRÌNH
Dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi)

Kính gửi:

- Quốc hội;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình lập pháp năm 2026, Chính phủ kính trình Quốc hội dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

Thời gian qua, các chủ trương, đường lối của Đảng đã luôn xác định đầy đủ và nhất quán về vị trí, vai trò của công tác hoà giải ở cơ sở, xem đây là phương thức giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp hiệu quả, góp phần phát huy dân chủ ở cơ sở, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, giữ vững ổn định chính trị - xã hội tại cơ sở.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030 tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra nhiệm vụ, giải pháp “*Phát huy đúng vai trò giám sát, phản biện xã hội, các hình thức tự quản của cộng đồng, các phương thức hoà giải cấp cơ sở*”.

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định “*Nâng cao hiệu quả các cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án*” (trong đó có hoà giải ở cơ sở) là một trong những giải pháp nhằm tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tiếp đó, Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng cũng xác định nhiệm vụ “*Hình thành các mô hình “tự quản - tự chủ - tự giám sát” ở cộng đồng dân cư, gắn kết chặt chẽ giữa chính quyền và Nhân dân, thực hành phát huy dân chủ tại cơ sở*”. Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc khẳng định một trong những nhiệm vụ, giải pháp đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, huy động mọi nguồn lực cho phát triển đất

nước là “*Nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ ở cơ sở, hoà giải, giám sát của Nhân dân tại cộng đồng. Chú trọng bồi dưỡng, hướng dẫn, phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng*”. Đặc biệt, ngày 30/4/2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới (Nghị quyết số 66-NQ/TW), trong đó tiếp tục khẳng định yêu cầu kết hợp hài hoà giữa các phương thức tổ tụng tư pháp và phi tổ tụng tư pháp trong bảo đảm quyền con người, quyền công dân, trong đó có công tác hoà giải ở cơ sở. Nghị quyết đặt ra yêu cầu: “*Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa*”. Bên cạnh đó, Nghị quyết số 66-NQ/TW cũng đề ra chủ trương: “*Tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật*”. Để thực hiện chủ trương này, hoà giải cơ sở là một trong những thiết chế quan trọng tại cơ sở góp phần xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật. Các Nghị quyết về phát triển văn hóa¹; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số² được ban hành và triển khai trong thời gian qua cũng có những tác động, yêu cầu phải đổi mới công tác hoà giải ở cơ sở.

Ngày 10/3/2026, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 09-KL/TW về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Kết luận số 09-KL/TW yêu cầu: “*Các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ giữa các chủ thể là các cá nhân, tổ chức không mang quyền lực nhà nước (quy phạm pháp luật tư) được thiết kế theo hướng chủ yếu đặt ra khung pháp lý mang tính nguyên tắc; các nội dung cụ thể để các chủ thể tự thỏa thuận trên cơ sở nhu cầu, lợi ích, quyền tự định đoạt, tự chịu trách nhiệm của mình trên tinh thần không vi phạm điều cấm của luật, phát huy tính năng động, sáng tạo của người dân, doanh nghiệp, tạo động lực quan trọng để huy động mọi nguồn lực, khơi dậy mọi tiềm năng phục vụ phát triển đất nước*”. Định hướng này phù hợp với bản chất của hoà giải ở cơ sở là giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp trên cơ sở tự nguyện, tự thỏa thuận, quyền tự định đoạt của các bên có mâu thuẫn, tranh chấp. Việc hoàn thiện pháp luật về hoà giải ở cơ sở cần bảo đảm tính linh hoạt, tạo điều kiện để hoà giải viên vận dụng phù hợp các yếu tố xã hội như phong tục, tập quán, lễ công bằng trong quá trình hoà giải, đồng thời bảo đảm không trái quy định của pháp luật.

Thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo các kết luận của Bộ Chính trị³, đặc biệt trong bối cảnh sắp xếp thôn, tổ dân phố khi thực hiện Kết luận số 34-KL/TW ngày

¹ Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam đề ra nhiệm vụ: “*Xây dựng môi trường văn hoá nhân văn, lành mạnh, văn minh, hiện đại; nêu cao văn hoá thượng tôn pháp luật từ gia đình, nhà trường, đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội trên nền tảng đạo đức, luật pháp, chuẩn mực xã hội và giá trị truyền thống, tinh thần đoàn kết, sẻ chia, tương thân, tương ái, trách nhiệm xã hội*”.

² Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

³ Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Kết luận số 230-KL/TW ngày 05/01/2026 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tinh gọn các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và Đề án đánh giá mô hình hoạt động của Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

18/5/2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (Kết luận số 34-KL/TW), do vậy việc hoàn thiện pháp luật về hoà giải ở cơ sở cần được thực hiện đồng bộ, khả thi, phù hợp với tình hình, bối cảnh mới.

b) Cơ sở pháp lý

Hiến pháp năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 203/2025/QH15) quy định: “*Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân*” (Điều 28); “*Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng*” (Điều 46).

Trong thời gian qua, một số bộ luật, luật được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung trong đó quy định khuyến khích sử dụng biện pháp hoà giải trước khi áp dụng các biện pháp tư pháp chính thống như Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025)⁴, Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015⁵, Luật Đất đai năm 2024⁶, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014⁷, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022⁸, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023⁹, Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024¹⁰... Các quy định mới về vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo¹¹; các yêu cầu đổi mới phương thức quản trị nhà nước theo hướng hiện đại, hiệu quả, kiến tạo, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, loại bỏ tư duy “không quản được thì cấm” nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã đặt ra yêu cầu đổi mới công tác hoà giải ở cơ sở. Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội khoá XV quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước nêu

⁴ Khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định một trong những căn cứ miễn trách nhiệm hình sự trong một số trường hợp là người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại tự nguyện hoà giải.

⁵ Quy định thủ tục công nhận kết quả hoà giải thành ngoài Tòa án tại Chương XXXIII.

⁶ Khoản 1 Điều 235 Luật Đất đai năm 2024: “*Nhà nước khuyến khích các bên tranh chấp đất đai tự hoà giải, hoà giải ở cơ sở theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở...*”

⁷ Điều 52 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nhà nước và xã hội khuyến khích việc hoà giải ở cơ sở khi vợ, chồng có yêu cầu ly hôn. Việc hoà giải được thực hiện theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở*”.

⁸ Khoản 3 Điều 18 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 quy định: “*Tổ hoà giải ở cơ sở có trách nhiệm hoà giải mâu thuẫn, tranh chấp và vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của Luật Hoà giải ở cơ sở*”.

⁹ Khoản 1 Điều 63 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 quy định: *Tổ chức hoà giải tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh bao gồm: “b) Tổ chức hoà giải theo quy định của pháp luật về hoà giải thương mại, pháp luật về hoà giải tại cơ sở, pháp luật về hoà giải tại tòa án*”.

¹⁰ Khoản 3 Điều 34 Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024 quy định: “*Đẩy mạnh việc hoà giải giữa người chưa thành niên và bị hại bị ảnh hưởng bởi hành vi phạm tội của người chưa thành niên*”.

¹¹ Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật An ninh mạng năm 2025, Luật Chuyển đổi số năm 2025, Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật Thương mại điện tử năm 2025, Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025...

rõ: “Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật... để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027”.

Ngày 11/3/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 41/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, trong đó xác định: “*Đẩy mạnh công tác hoà giải ở cơ sở gắn với phát huy vai trò tự quản của người dân*” là một trong những nhiệm vụ của Chính phủ trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, phục vụ Nhân dân. Đặc biệt, ngày 26/5/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (Nghị định số 185/2026/NĐ-CP) với nhiều điểm mới về nguyên tắc, tiêu chuẩn quy mô hộ gia đình theo từng vùng miền của thôn, tổ dân phố. Khi đó, quy định về bầu hoà giải viên cũng phải được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung để bảo đảm khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn. Vì vậy, việc hoàn thiện các quy định pháp luật về hoà giải ở cơ sở là nhiệm vụ cấp thiết nhằm đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác này, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật và đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, góp phần thiết thực vào phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Những cơ sở chính trị, pháp lý nêu trên đặt ra yêu cầu phải nghiên cứu xây dựng Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) nhằm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng về phát huy dân chủ, tiếp tục đẩy mạnh công tác hoà giải ở cơ sở gắn với phát huy vai trò tự quản của Nhân dân, đồng thời bảo đảm tính thống nhất với các luật, nghị quyết, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và phù hợp với yêu cầu đổi mới tư duy, kỹ thuật lập pháp, đặc biệt đáp ứng yêu cầu thực tiễn hiện nay. Ngày 26/9/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 về Chương trình lập pháp năm 2026, trong đó giao Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) vào tháng 8/2026 và trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khoá XVI (dự kiến tháng 10/2026). Ngày 24/10/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2352/QĐ-TTg phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026, trong đó giao Bộ Tư pháp là cơ quan chủ trì soạn thảo dự án Luật nêu trên (trình Chính phủ vào tháng 6/2026). Ngày 21/5/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 134/NQ-CP thông qua 05 chính sách của Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc soạn thảo dự thảo Luật. Ngày 09/6/2026, Chính phủ có Công văn số 326/CP-PL dự kiến các dự án luật, nghị quyết trình Quốc hội tại kỳ họp không thường lệ của Quốc hội, trong đó có dự án Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi). Ngày 27/6/2026, Chính phủ đã thông qua Nghị quyết số 170/NQ-CP về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 6/2026, theo đó, dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) sẽ trình tại Kỳ họp chuyên đề xây dựng pháp luật, Quốc hội khoá XVI.

2. Cơ sở thực tiễn

Với vị trí, vai trò, ý nghĩa quan trọng trong giải quyết xung đột, hoà giải các mâu thuẫn trong nội bộ Nhân dân, ngày 20/6/2013, tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII đã thông qua Luật Hoà giải ở cơ sở. Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện, vững chắc cho hoạt động hoà giải ở cơ sở đi vào nền nếp, thống nhất, hiệu quả và tiếp tục khẳng định được vị trí, vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Tính đến ngày 31/12/2025, cả nước có 85.855 tổ hoà giải, 547.235 hoà giải viên; hầu hết mỗi thôn, tổ dân phố có 01 tổ hoà giải. Trong giai đoạn 2014 - 2025, cả nước tiếp nhận 1.528.936 vụ, việc hoà giải (trung bình 127.411 vụ, việc/năm), trong đó, hoà giải thành 1.239.367/1.513.084 vụ, việc đã tiến hành hoà giải (trung bình 103.280 vụ, việc/năm), đạt tỷ lệ **81,92%**¹². Thực tiễn 12 năm thi hành Luật Hoà giải ở cơ sở cho thấy, ở những địa phương làm tốt công tác hoà giải cơ sở thì tình hình an ninh, trật tự được giữ vững, góp phần ngăn ngừa hành vi vi phạm pháp luật. Thông qua công tác hoà giải ở cơ sở, những mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh tại cơ sở đã được giải quyết kịp thời, dứt điểm; không để tranh chấp kéo dài, khó xử lý, hạn chế đáng kể tình trạng khiếu kiện ra cơ quan nhà nước, khiếu kiện vượt cấp; góp phần xây dựng khối đoàn kết cộng đồng bền vững, khẳng định vị trí, vai trò, ý nghĩa nhân văn sâu sắc của công tác hoà giải ở cơ sở trong giữ gìn, vun đắp tình làng, nghĩa xóm, xây dựng cơ sở, khu dân cư ngày càng ấm no, yên bình, hạnh phúc.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, qua hơn 12 năm thực hiện, Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc, cụ thể như sau:

Thứ nhất, các nguyên tắc tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở còn thiếu đồng bộ, chưa bao quát hết các yêu cầu thực tiễn và bối cảnh mới

(i) Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 chưa thể hiện nguyên tắc ưu tiên quan tâm đến người dân tộc thiểu số trong hoà giải, chưa có nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận ngôn ngữ trong hòa giải (ngôn ngữ dân tộc thiểu số, ngôn ngữ ký hiệu của người khuyết tật). Điều này dẫn đến sự lúng túng trong thực tiễn khi giải quyết các vụ, việc có yếu tố đặc thù, làm giảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đối tượng yếu thế.

(ii) Phạm vi bảo mật thông tin còn hẹp (chỉ dừng lại ở đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, gia đình) đã bộc lộ bất cập lớn khi chưa bao quát được “bí mật kinh doanh” và “bí mật nhà nước”. Việc này khiến các bên tranh chấp e ngại, không dám cởi mở chia sẻ thông tin, gây khó khăn cho hòa giải viên trong việc nắm bắt bản chất vụ, việc.

(iii) Việc thiếu nguyên tắc khẳng định “Hòa giải không thay thế biện pháp xử lý vi phạm hành chính hoặc hình sự” dễ dẫn đến tình trạng một số người dân lạm dụng hòa giải để trốn tránh việc bị xử lý vi phạm hành chính hoặc xử lý hình sự, hoặc bị các bên lợi dụng nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác. Sự thiếu linh hoạt về phương thức tiến hành hoà giải

¹² Báo cáo số 415/BC-BTP ngày 10/6/2026 của Bộ Tư pháp về tổng kết việc thi hành Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

đã hạn chế quyền sử dụng công nghệ số, cản trở việc ứng dụng công nghệ thông tin (hòa giải trực tuyến) trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ hiện nay.

Những hạn chế, vướng mắc từ việc còn thiếu một số nguyên tắc hoạt động nêu trên đã làm giảm tính hiệu quả, hiệu lực của công tác hòa giải ở cơ sở. Do đó, việc bổ sung, hoàn thiện các nguyên tắc tại Điều 4 dự thảo Luật là đòi hỏi khách quan, cấp bách để xây dựng hành lang pháp lý chuẩn mực, bảo đảm công tác hòa giải ở cơ sở đi đúng bản chất thân thiện nhưng vẫn bảo đảm thượng tôn pháp luật.

Thứ hai, thiếu quy định về cơ chế “chỉ định hoà giải viên”, quyền và nghĩa vụ của hoà giải viên ở cơ sở chưa được quy định đầy đủ

Theo quy định của pháp luật hiện hành, việc lựa chọn hoà giải viên ở cơ sở được thực hiện thông qua tổ chức bầu hoà giải viên tại thôn, tổ dân phố với trình tự, thủ tục cụ thể, chặt chẽ, bảo đảm nguyên tắc dân chủ, công khai và minh bạch như thành lập Tổ bầu hoà giải viên, lập danh sách dự kiến những người được bầu làm hoà giải viên, niêm yết công khai danh sách bầu, tổ chức bầu hoà giải viên (bằng hình thức tổ chức cuộc họp (để biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín) hoặc phát phiếu lấy ý kiến các hộ gia đình). Tuy nhiên, thực tiễn thi hành cho thấy một số trường hợp không thể tổ chức bầu được do nhiều nguyên nhân¹³ hoặc đã tổ chức bầu bổ sung hoặc bầu lại hoà giải viên nhưng vẫn không đủ số lượng và thành phần theo quy định¹⁴. Điều này dẫn đến trên thực tiễn đã xuất hiện cách làm mang tính “linh hoạt” khi nhiều địa phương chủ động lựa chọn, giao nhiệm vụ hoà giải cho các chức danh có sẵn như Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận. Việc pháp luật chưa ghi nhận cơ chế chỉ định nên một số địa phương vẫn phải tổ chức họp dân để bầu lại hoà giải viên nhằm “hợp thức hóa” việc giao nhiệm vụ hoà giải cho những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố. Cách làm này khiến quy trình bầu hoà giải viên trở nên hình thức, thiếu thực chất, vừa tốn thời gian, nguồn lực, vừa làm giảm ý nghĩa của cơ chế dân chủ, tự quản ở cộng đồng.

Việc bổ sung quy định chỉ định hoà giải viên là cần thiết để kiện toàn tổ hòa giải, kịp thời giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn trên địa bàn, giải quyết tình trạng không thể tổ chức bầu hoà giải viên bằng các hình thức theo quy định do sự kiện bất khả kháng¹⁵ hoặc đã tổ chức bầu bổ sung nhưng kết quả bầu không đạt mục tiêu đề ra về số lượng hoà giải viên, thành phần của tổ hoà giải hoặc đã tổ chức bầu lại nhưng kết quả bầu không có người nào đạt yêu cầu theo quy định hoặc không bảo đảm có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham gia bầu...

Bên cạnh đó, Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 đã quy định tương đối rõ về quyền và nghĩa vụ của hoà giải viên. Tuy nhiên, trong thực tiễn triển khai, các quy định này bộc lộ một số hạn chế ảnh hưởng trực tiếp đến động lực, trách nhiệm và chất

¹³ Như sự kiện bất khả kháng hoặc việc tổ chức bầu không thành công (người dân không đi bầu, không trả lại phiếu lấy ý kiến... nhiều lần).

¹⁴ Kết quả bầu không đủ số lượng hoà giải viên, thiếu hoà giải viên nữ trong một tổ hoà giải hoặc chưa có hoà giải viên là người dân tộc thiểu số trong tổ hoà giải tại vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số hoặc tiếp tục không bảo đảm có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham gia bầu.

¹⁵ Sự kiện bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố môi trường, địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán...

lượng hoạt động của đội ngũ hoà giải viên. Một số quyền quan trọng chưa được ghi nhận rõ như quyền mời người tham gia hoà giải ở cơ sở, quyền đề nghị cơ quan, tổ chức hỗ trợ chuyên môn pháp luật, được trực tiếp đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã, lực lượng Công an cấp xã có phương án bảo đảm an ninh trật tự khi tiến hành hoà giải trong trường hợp nhận thấy mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật có thể dẫn đến hành vi bạo lực gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của các bên, của hoà giải viên hoặc gây mất trật tự công cộng, được hỗ trợ khi ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực hiện các hoạt động hoà giải ở cơ sở bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn... Quy định về nghĩa vụ của đội ngũ hoà giải viên còn chung chung, chưa bao quát đầy đủ và tản mát ở nhiều điều luật. Mặt khác, khi nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng, tập huấn của hoà giải viên chưa được luật hóa thành chế định bắt buộc, chất lượng nguồn nhân lực hoà giải viên sẽ dần không đáp ứng được yêu cầu của các loại mâu thuẫn, tranh chấp mới phát sinh trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, gây lãng phí nguồn lực đầu tư của Nhà nước và dần suy giảm niềm tin của Nhân dân vào thiết chế hoà giải ở cơ sở.

Thứ ba, phạm vi tham gia và quyền, nghĩa vụ của người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở chưa được quy định rõ ràng, cụ thể

Thực tiễn cho thấy, đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở hiện nay chủ yếu hoạt động dựa trên uy tín, kinh nghiệm sống và sự nhiệt tình, trong khi nền tảng kiến thức pháp luật và kỹ năng chuyên môn còn nhiều hạn chế, dẫn đến sự lúng túng khi đối chiếu, áp dụng pháp luật và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, kết quả hòa giải đối với các vụ, việc tranh chấp phức tạp. Để tháo gỡ khó khăn này, Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 đã quy định cho phép mời người có trình độ, uy tín tham gia hoà giải ở cơ sở, song còn có khoảng trống pháp lý khi chưa quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của nhóm đối tượng này nên tạo ra những rào cản trong thực thi. Phạm vi, hình thức tham gia của người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở chưa được quy định rõ nét, dẫn đến tình trạng lúng túng trong việc xác định phạm vi trách nhiệm, giới hạn tham gia cũng như xác định quyền, nghĩa vụ liên quan. Những khoảng trống pháp lý này không chỉ khiến các hoà giải viên e ngại khi huy động nguồn lực bên ngoài tham gia hỗ trợ mà còn làm giảm trách nhiệm của người được mời, khiến vai trò của đối tượng này đôi khi chỉ mang tính hình thức. Việc chưa quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở đã làm hạn chế hiệu quả của việc huy động trí tuệ, kinh nghiệm của những người có trình độ pháp lý, có kiến thức chuyên ngành trong các lĩnh vực, có kiến thức xã hội và những người có uy tín trong cộng đồng trong giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn tại cơ sở.

Vì vậy, cần phải làm rõ phạm vi tham gia và quyền, nghĩa vụ của người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở để bảo đảm hoà giải viên nhận được sự hỗ trợ của người có uy tín, có trình độ pháp lý, có kiến thức chuyên ngành trong các lĩnh vực, có kiến thức xã hội, hiểu phong tục, tập quán địa phương... tham gia hoạt động hoà giải, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hoà giải ở cơ sở.

Thứ tư, về quy định yêu cầu công nhận kết quả hoà giải thành ở cơ sở

Việc yêu cầu công nhận kết quả hoà giải thành ngoài Tòa án đã được quy định tại Chương XXXIII Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Luật Hoà giải ở

cơ sở năm 2013 chưa quy định về nội dung đề nghị Tòa án công nhận kết quả hoà giải thành ở cơ sở do Luật Hoà giải ở cơ sở được ban hành trước Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì thế, để bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, việc bổ sung quy định về yêu cầu công nhận kết quả hoà giải thành tại Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) là cần thiết, bảo đảm tính đồng bộ với Bộ luật Tố tụng dân sự. Cùng với đó, việc quy định những nội dung chính của văn bản về kết quả hoà giải (gồm cả hoà giải thành và không thành) giúp các bên ghi nhận ý kiến của mình đối với nội dung đã thoả thuận liên quan đến vụ, việc thuộc phạm vi hoà giải ở cơ sở. Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 không quy định về việc lập văn bản về kết quả hoà giải không thành, trong khi đó, nếu các bên đồng ý lập, văn bản về kết quả hoà giải không thành sẽ có ý nghĩa là một trong những tài liệu để các bên sử dụng trong quá trình đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết vụ, việc hoặc mục đích khác của các bên.

Thứ năm, về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác hoà giải ở cơ sở

Ngày nay, dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cách mạng 4.0), công nghệ thông tin đã phát triển vượt bậc, hầu hết các lĩnh vực trong đời sống xã hội đã ứng dụng số mạnh mẽ. Tuy nhiên, lĩnh vực hoà giải ở cơ sở vẫn chủ yếu theo phương thức truyền thống. Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành chưa có quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong công tác hoà giải ở cơ sở như chưa quy định bầu hoà giải viên, bầu Tổ trưởng tổ hoà giải, tiến hành hoà giải bằng hình thức trực tuyến¹⁶ (hoà giải trên môi trường điện tử/không gian mạng), chưa quy định việc thực hiện lập văn bản về kết quả hoà giải điện tử, ký xác nhận bằng chữ ký điện tử, chưa quy định về Sổ theo dõi hoạt động hoà giải ở cơ sở điện tử... Do đó, hoà giải cơ sở chủ yếu sử dụng hồ sơ giấy, thủ công, tốn kém chi phí in ấn, lưu trữ và nhân lực; gây khó khăn trong việc tổng hợp, báo cáo số liệu, làm giảm tính minh bạch và hiệu quả quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, việc thực hiện hoà giải cơ sở theo phương thức truyền thống trong bối cảnh xã hội hiện đại, việc bắt buộc phải gặp mặt trực tiếp gây khó khăn cho những người có khoảng cách địa lý xa hoặc các bên có mâu thuẫn gay gắt không muốn đối diện trực tiếp...

Việc xây dựng và hoàn thiện nội dung nêu trên bảo đảm bám sát, thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng hệ thống pháp luật, sắp xếp tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, sắp xếp thôn, tổ dân phố theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW, Kết luận số 121-KL/TW, Kết luận số 34-KL/TW... Trong đó, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, chuyển đổi số được xác định là nhiệm vụ trọng tâm. Việc đưa công nghệ số vào công tác hoà giải ở cơ sở không chỉ tạo thêm cơ chế lựa chọn linh hoạt cho các địa phương có đủ điều kiện hạ tầng mà còn là giải pháp nhằm hiện đại hóa, tăng cường tính minh bạch và nâng cao hiệu quả công tác hoà giải trong tình hình mới.

¹⁶ Luật Hoà giải ở cơ sở quy định hoà giải được tiến hành trực tiếp, bằng lời nói với sự có mặt của các bên (khoản 1 Điều 21).

Thứ sáu, về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong công tác hoà giải ở cơ sở

Trong bối cảnh thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, để kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn, bảo đảm tính liên tục, thông suốt trong hoạt động của tổ chức bộ máy, ngày 11/6/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 120/2025/NĐ-CP về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. Theo đó, Nghị định số 120/2025/NĐ-CP đã phân định thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác hoà giải ở cơ sở. Tuy nhiên, Nghị định này chỉ có hiệu lực đến ngày 28/02/2027. Ngoài ra, Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp trong thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở, trong khi nội dung quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở nói chung chưa được quy định bảo đảm đầy đủ, toàn diện như chưa quy định nội dung về thông tin, tổ chức truyền thông, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật, thống kê, đánh giá, sơ kết, tổng kết, khen thưởng, xây dựng hệ thống thông tin phục vụ quản lý công tác hoà giải ở cơ sở và hỗ trợ hoạt động hoà giải trực tuyến và hợp tác quốc tế về hoà giải ở cơ sở...

Thứ bảy, về kinh phí cho công tác hoà giải ở cơ sở

Điều 6 Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 quy định: “Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho công tác hoà giải ở cơ sở để biên soạn, phát hành tài liệu; tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng về hoà giải ở cơ sở....”. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cho thấy quy định mang tính chất “hỗ trợ” này chưa tạo ra hiệu lực pháp lý đủ mạnh và bắt buộc, dẫn đến tình trạng nhiều địa phương không bảo đảm nguồn kinh phí cần thiết cho công tác hòa giải. Việc bố trí ngân sách bị phụ thuộc hoàn toàn vào mức độ quan tâm của cấp ủy, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân các cấp. Tại những nơi thiếu sự quan tâm, nguồn kinh phí chỉ cho quản lý nhà nước và chi hỗ trợ hoạt động của tổ hoà giải, chi thù lao cho hòa giải viên còn hạn chế. Sự thiếu ràng buộc pháp lý này cũng dẫn đến hệ quả hầu hết các địa phương gộp chung kinh phí hòa giải vào kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật, không có sự phân bổ, tách biệt rõ ràng. Định mức chi thực tế quá thấp, các chi phí thiết yếu cho tổ hòa giải hoạt động (văn phòng phẩm, nước uống, photo tài liệu...) không đáp ứng được nhu cầu tối thiểu. Ngoài ra, thủ tục thanh toán tại một số nơi còn rườm rà, phức tạp...

Trước yêu cầu cấp bách về việc xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, việc phát huy tối đa vai trò, vị trí của công tác hòa giải ở cơ sở như một phương thức giải quyết tranh chấp thân thiện, hiệu quả ngay từ đầu, cơ chế “hỗ trợ kinh phí” một cách thụ động nêu trên đã không còn phù hợp. Để kịp thời tháo gỡ điểm nghẽn về nguồn lực, việc chuyển đổi tư duy pháp lý trong dự thảo Luật từ cơ chế “hỗ trợ kinh phí” sang quy định **“bảo đảm kinh phí từ ngân sách nhà nước”** là đòi hỏi khách quan, tất yếu, qua đó góp phần nâng cao trách nhiệm của chính quyền các cấp, bảo đảm nguồn lực tài chính ổn định, đồng đều giữa các vùng miền, từ đó tạo động lực thực chất để phát huy vai trò, nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở trong giai đoạn mới.

Từ các cơ sở chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc sửa đổi toàn diện Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 là hết sức cần thiết nhằm nâng cao chất lượng công tác hoà giải ở cơ sở; giải quyết những bất cập, hạn chế trong quy định hiện hành của Luật, phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, tạo thuận lợi hơn cho cơ quan, tổ chức, cá nhân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích

Việc ban hành Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) nhằm tiếp tục thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về khuyến khích, phát triển các thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài Toà án, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, bất cập trong các quy định của Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện và thống nhất nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động hoà giải ở cơ sở, công tác quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở, gắn công tác hoà giải ở cơ sở với xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật nhằm phòng ngừa tranh chấp, tăng cường sự đồng thuận trong cộng đồng, nâng cao nhận thức và ý thức pháp luật của người dân, góp phần thiết thực vào phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Quan điểm

a) Tiếp tục thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về khuyến khích, phát triển các thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài Toà án, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội; bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự quản; hạn chế tối đa việc “hành chính hóa” trong hoạt động hoà giải ở cơ sở.

b) Kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, bất cập trong các quy định của Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện và thống nhất với các luật, nghị quyết, văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, nhất là các Luật, Nghị quyết được Quốc hội ban hành trong thời gian vừa qua; đồng thời, đáp ứng yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng luật và yêu cầu, bối cảnh mới của đất nước.

c) Kế thừa, phát huy các quy định của Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 đã được chứng minh là phù hợp, có hiệu quả trong thực tiễn, bảo đảm tính khả thi trong điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam hiện nay; tham khảo có chọn lọc quy định pháp luật của một số quốc gia trên thế giới phù hợp với thực tiễn tình hình phát triển của Việt Nam và xu thế hội nhập quốc tế.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) đã được Bộ Tư pháp xây dựng bảo đảm tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, cụ thể như sau:

1. Tiến hành đánh giá việc thi hành và tổng hợp các vấn đề hạn chế, bất cập trong quá trình thi hành Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013.
2. Thành lập Tổ soạn thảo dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi)¹⁷.
3. Xây dựng, ban hành Kế hoạch xây dựng dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi)¹⁸.
4. Tổ chức rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật.
5. Xây dựng dự thảo Tờ trình, dự thảo Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi), bản so sánh dự thảo Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) với Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013.
6. Tổ chức các cuộc họp Tổ soạn thảo; tổ chức 02 Hội thảo lấy ý kiến trực tiếp đối với hồ sơ dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi)¹⁹.
7. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản các Đoàn đại biểu Quốc hội, các Bộ, cơ quan ngang Bộ đối với những nội dung của dự án liên quan đến chức năng quản lý ngành, lĩnh vực của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự án Luật²⁰.
8. Lấy ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cử đại diện tham gia cuộc họp phản biện xã hội²¹.
9. Đăng tải hồ sơ dự án Luật trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp và Cổng Pháp luật quốc gia từ ngày 21/5/2026 để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến.
10. Nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với hồ sơ dự án Luật (có Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội).
11. Thực hiện đăng tải Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp từ ngày 10/6/2026 theo quy định.
12. Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số 297/BCTĐ-BTP ngày 06/6/2026 thẩm định dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi). Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện hồ sơ dự án Luật để trình Chính phủ xem xét, quyết định (Báo cáo số 414/BC-BTP ngày 10/6/2026).
13. Ngày 27/6/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 170/NQ-CP về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 6/2026, trong đó có dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) và giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa uỷ quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình Quốc hội dự án Luật này tại Kỳ họp chuyên đề xây dựng pháp luật, Quốc hội khoá XVI.

¹⁷ Quyết định số 1209/QĐ-BTP ngày 07/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

¹⁸ Quyết định số 3004/QĐ-BTP ngày 09/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

¹⁹ Ngày 22/5/2026 tại tỉnh Khánh Hoà và ngày 29/5/2026 tại tỉnh Quảng Ninh.

²⁰ Công văn số 3479/BTP-PB&TG ngày 21/5/2026.

²¹ Công văn số 3482/BTP-PB&TG ngày 21/5/2026. Ngày 02/6/2026, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tổ chức Hội nghị phản biện xã hội đối với dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) và có Công văn số 359/MTTW-BTT ngày 05/6/2026 về phản biện xã hội hồ sơ dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) quy định chính sách của Nhà nước về hoà giải ở cơ sở, hoà giải viên, tổ hoà giải, người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở; hoạt động hoà giải ở cơ sở; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong hoạt động hoà giải ở cơ sở. Luật này không áp dụng đối với hoạt động hoà giải đã được văn bản quy phạm pháp luật khác quy định.

b) Đối tượng áp dụng: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động hoà giải ở cơ sở.

2. Bố cục của dự thảo Luật

Dự thảo Luật được kết cấu gồm 05 chương, 35 điều (tăng 02 điều so với Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013). Cụ thể:

- Chương I. Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 6) quy định về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; phạm vi hoà giải ở cơ sở; nguyên tắc tổ chức, hoạt động hoà giải ở cơ sở; chính sách của Nhà nước về hoà giải ở cơ sở; kinh phí cho công tác hoà giải ở cơ sở.

- Chương II. Hoà giải viên, tổ hoà giải, người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở, các bên trong hoà giải ở cơ sở (từ Điều 7 đến Điều 21) quy định về tiêu chuẩn hoà giải viên, bầu, chỉ định, công nhận hoà giải viên, quyền, nghĩa vụ của hoà giải viên, thôi làm hoà giải viên; tổ hoà giải, trách nhiệm của tổ hoà giải, Tổ trưởng tổ hoà giải, quyền và nghĩa vụ của Tổ trưởng tổ hoà giải; người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở, quyền, nghĩa vụ của người được mời tham gia hoà giải; quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoà giải.

- Chương III. Hoạt động hoà giải ở cơ sở (từ Điều 22 đến Điều 30) quy định về căn cứ tiến hành hoà giải; phân công hoà giải viên; địa điểm, thời gian hoà giải; hình thức tiến hành và hỗ trợ tham gia hoà giải; hoà giải giữa các bên ở thôn, tổ dân phố khác nhau; kết thúc hoà giải; kết quả hoà giải; thực hiện thoả thuận hoà giải thành, công nhận văn bản về kết quả hoà giải thành; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện thoả thuận hoà giải thành.

- Chương IV. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong hoạt động hoà giải ở cơ sở (từ Điều 31 đến Điều 33) quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp; trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

- Chương V. Điều khoản thi hành (Điều 34 và Điều 35) quy định điều khoản chuyển tiếp, hiệu lực thi hành.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

Dự thảo Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) kế thừa một số quy định còn phù hợp của Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013; đồng thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định liên quan đến việc hình thành đội ngũ hoà giải viên (về bầu hoà giải viên, bổ sung các quy định về chỉ định hoà giải viên), quyền và nghĩa vụ của hoà giải viên,

người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác hoà giải ở cơ sở, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong công tác hoà giải ở cơ sở và các nội dung khác. Cụ thể như sau:

a) Những nội dung sửa đổi, bổ sung

(i) Về phạm vi điều chỉnh và giải thích từ ngữ (Điều 1 và Điều 2)

- Sửa đổi phạm vi điều chỉnh theo hướng loại trừ “*Luật này không áp dụng đối với hoạt động hoà giải đã được văn bản quy phạm pháp luật khác quy định*”. Quy định này nhằm bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, tránh chồng chéo hoặc tạo ra khoảng trống pháp lý.

- Sửa đổi giải thích từ ngữ “hoà giải ở cơ sở”, “cơ sở”, “các bên” và “tổ hoà giải” để bảo đảm phù hợp, thống nhất; bổ sung giải thích mới **03** thuật ngữ gồm “người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở”, “hoà giải thành” và “hoà giải không thành”.

(ii) Về phạm vi hoà giải ở cơ sở (Điều 3)

- Bổ sung cụm từ “vi phạm pháp luật” vào điểm a và điểm d khoản 1 sau cụm từ “mâu thuẫn, tranh chấp”; sửa đổi cụm từ “xâm phạm lợi ích Nhà nước, lợi ích công cộng” thành “xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng” để bảo đảm chặt chẽ, thống nhất trong hệ thống pháp luật (Hiến pháp, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Đất đai...).

- Sửa đổi điểm b khoản 1 từ “*Vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình, giao dịch dân sự mà theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự không được hoà giải*” thành “*Mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh từ giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội theo quy định của pháp luật*”; bỏ quy định dẫn chiếu pháp luật tố tụng dân sự vì Điều 206 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định 02 trường hợp không được hoà giải gồm: (i) Yêu cầu đòi bồi thường vì lý do gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước; (ii) Những vụ án phát sinh từ giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của luật hoặc trái đạo đức xã hội. Trong đó trường hợp (i) đã thuộc khoản 1 Điều này (xâm phạm lợi ích quốc gia). Điều chỉnh này giúp cho quy định trở nên minh bạch, dễ hiểu, dễ áp dụng, tránh chồng chéo, mâu thuẫn mà không làm thu hẹp hay mở rộng phạm vi hoà giải ở cơ sở.

- Sửa đổi điểm c khoản 1 từ “*Vi phạm pháp luật mà theo quy định **phải** bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị xử lý vi phạm hành chính*” thành “*Vi phạm pháp luật mà theo quy định bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị xử lý vi phạm hành chính*”. Việc bỏ từ “**phải**” nhằm tránh cách hiểu rằng hoà giải viên phải xác định một hành vi có thuộc trường hợp bắt buộc bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc xử lý vi phạm hành chính. Quy định sau chỉnh lý tập trung vào bản chất pháp lý của hành vi theo quy định của pháp luật, qua đó bảo đảm rõ ràng, dễ áp dụng, nhất là đối tượng là hoà giải viên.

(iii) Về nguyên tắc tổ chức, hoạt động hoà giải ở cơ sở (Điều 4)

- Sửa đổi nguyên tắc “*Giữ bí mật thông tin đời tư của các bên*” thành “*Giữ bí mật thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh của các bên, bí mật nhà nước và thông tin khác được pháp luật bảo vệ*”.

- Sửa đổi nguyên tắc “*Không lợi dụng hoà giải ở cơ sở để ngăn cản các bên liên quan bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định của pháp luật hoặc trốn tránh việc xử lý vi phạm hành chính, xử lý về hình sự*” thành “*Không lợi dụng hoà giải ở cơ sở để ngăn cản các bên liên quan bảo vệ **quyền, lợi ích hợp pháp** của mình theo quy định của pháp luật hoặc trốn tránh việc bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý về hình sự, **trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước và nghĩa vụ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác***”.

- Bổ sung mới **03** nguyên tắc: “*Hoà giải ở cơ sở không thay thế biện pháp xử lý vi phạm hành chính hoặc xử lý hình sự*”; “*Phương thức hoà giải tiến hành linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm của từng vụ, việc*” và “*Ngôn ngữ dùng trong hoà giải ở cơ sở là tiếng Việt. Các bên có quyền lựa chọn sử dụng tiếng Việt hoặc ngôn ngữ của dân tộc mình. Các bên là người khuyết tật nghe, nói hoặc khuyết tật nhìn có quyền sử dụng ngôn ngữ, ký hiệu, chữ dành riêng cho người khuyết tật*”.

(iv) *Chính sách của Nhà nước về hoà giải ở cơ sở (Điều 5)*

- Bổ sung khuyến khích người có trình độ pháp lý, có kiến thức chuyên ngành trong các lĩnh vực, có kiến thức xã hội; người biết ngôn ngữ dân tộc thiểu số, ngôn ngữ ký hiệu của người khuyết tật tham gia hoà giải ở cơ sở bên cạnh đối tượng người có uy tín trong gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư.

- Bổ sung **01** chính sách mới về khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động hoà giải ở cơ sở phù hợp với tiến trình xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số theo quy định của pháp luật, bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước và thông tin khác được pháp luật bảo vệ.

(v) *Về kinh phí cho công tác hoà giải ở cơ sở (Điều 6)*: Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 quy định Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho công tác hoà giải ở cơ sở. Tuy nhiên, để bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công tác này trong thời gian tới, dự thảo Luật đã sửa đổi theo hướng quy định kinh phí cho hoạt động hoà giải ở cơ sở do ngân sách nhà nước là **bảo đảm** thay vì **hỗ trợ** như trước đây, đồng thời bổ sung nguồn tài chính huy động khác cho công tác hoà giải ở cơ sở. Nội dung hỗ trợ cụ thể giao Chính phủ quy định chi tiết. Việc quy định ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác hoà giải ở cơ sở xuất phát từ những lý do sau:

- Việc thay đổi cụm từ từ “hỗ trợ” sang “bảo đảm” nhằm bảo đảm đúng với tính chất của nhiệm vụ chính trị của công tác hoà giải ở cơ sở. Công tác hoà giải ở cơ sở được xác định là nhiệm vụ chính trị thường xuyên thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước theo quy định (Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp) và phù hợp với nguyên tắc bảo đảm chi thường xuyên của Luật Ngân sách nhà nước. Theo đó, căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2025, một nhiệm vụ được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí khi thỏa mãn đầy đủ các tiêu chí: là nhiệm vụ chính trị thường xuyên thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước; được văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể nội dung chi, mức chi và thực hiện lập, quyết toán dự toán theo quy định. Công tác hòa giải ở cơ sở đáp ứng các

điều kiện này. Đây là nhiệm vụ chính trị, pháp lý mang tính chiến lược, liên tục, thuộc chức năng quản lý nhà nước của Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp nhằm giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Do đó, việc chuyển từ cơ chế “hỗ trợ” (mang tính bổ sung, không ổn định) sang cơ chế “bảo đảm” là hoàn toàn phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước.

Công tác hoà giải ở cơ sở được xác định là nhiệm vụ chính trị, xã hội quan trọng thường xuyên nhằm giữ gìn an ninh trật tự và đoàn kết cộng đồng, góp phần phòng ngừa tội phạm từ sớm, từ xa, xây dựng sự đồng thuận, đoàn kết cộng đồng, khu dân cư yên bình, hạnh phúc, là một trong thiết chế quan trọng góp phần xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật. Nội dung chi, mức chi cho công tác hoà giải ở cơ sở đều đã được quy định rõ tại Thông tư liên tịch số 100/TTLT-BTC-BTP ngày 30/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở, nay được thay thế bởi Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở. Ngân sách nhà nước có trách nhiệm chi toàn bộ các khoản chi cần thiết cho công tác hoà giải ở cơ sở như chi cho công tác quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở (chi cho tập huấn, bồi dưỡng, kiểm tra, sơ kết, tổng kết...), chi thù lao cho hoà giải viên, người được mời trực tiếp tham gia vụ, việc hoà giải, chi cho hoạt động của tổ hoà giải (văn phòng phẩm, photo tài liệu...). Điều này nhằm bảo đảm công tác hoà giải ở cơ sở được thực hiện thường xuyên, liên tục. Vì vậy, việc quy định ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác này là phù hợp, chặt chẽ, đúng tính chất nhiệm vụ chính trị của công tác hoà giải ở cơ sở và đúng với nguyên tắc bảo đảm chi của Luật Ngân sách nhà nước. Nếu dùng cụm từ “hỗ trợ” là chưa phù hợp bởi “hỗ trợ” về bản chất ngân sách nhà nước chỉ đóng vai trò hỗ trợ, góp một phần kinh phí cho các tổ chức tự quản như các hội, đoàn thể. Trong khi đó, công tác hoà giải ở cơ sở là nhiệm vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp đã xác định rõ nội dung, mức chi và theo phân cấp ngân sách nhà nước đã và đang đáp ứng bảo đảm toàn bộ các định mức theo quy định. Hoà giải ở cơ sở là một thiết chế đặc thù tại cộng đồng, vận hành vì lợi ích công và chịu sự quản lý nhà nước thống nhất từ trung ương đến địa phương, vì vậy phải được bảo đảm nguồn lực thực hiện. Khi Nhà nước giao một nhiệm vụ quản lý, ổn định xã hội cho thiết chế có vai trò, ý nghĩa lớn như hòa giải ở cơ sở thì Nhà nước có trách nhiệm trong việc bảo đảm nền tảng nguồn lực tài chính tối thiểu để duy trì, phát triển hoạt động đó.

- Tổ hoà giải theo quy định của Luật Hoà giải ở cơ sở không phải là tổ chức như các hội, đoàn thể xã hội mà là tổ chức tự quản của Nhân dân, được thành lập ở thôn, tổ dân phố để hoạt động theo quy định của Luật Hoà giải ở cơ sở. Trong tổ hoà giải có các hoà giải viên do Nhân dân bầu ra và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận. Như vậy, tổ hoà giải, hoà giải viên là phương thức thực hiện hoạt động hoà giải, không làm phát sinh tổ chức, bộ máy, biên chế, cơ sở vật chất, chế độ hay kinh phí bảo đảm hoạt động (tiền lương, trang phục...), không có biên chế, không có bộ máy chuyên trách hay kiêm nhiệm hay cấp bậc hành chính như các tổ

chức chính trị - xã hội, các hội và đoàn thể nên không phải đánh giá tác động và phát sinh chi phí từ ngân sách nhà nước. Đặc biệt, hoà giải viên không phải là chức danh trong hệ thống chính trị, không phải là chức danh kiêm nhiệm của cán bộ, công chức hay viên chức nhà nước. Hoà giải viên không hưởng lương và phụ cấp hằng tháng từ ngân sách nhà nước như cán bộ đoàn thể. Họ chỉ được hưởng thù lao theo vụ, việc hoà giải nếu tiến hành hoà giải trên thực tế. Do đó, không có sự chồng chéo hay trùng chính sách trong trường hợp có cán bộ cơ sở tham gia làm hoà giải viên. Đây chính là mô hình “chi phí tối thiểu nhưng mang lại hiệu quả tối đa” cho ngân sách nhà nước. Chi phí để bảo đảm thù lao vụ, việc cho hoà giải viên là rất nhỏ bé so với chi phí khổng lồ mà ngân sách phải gánh chịu nếu các vụ, việc này chuyển thành đại án, khiếu kiện phức tạp hoặc đưa ra Tòa án.

- Thực tiễn thời gian qua, công tác hoà giải ở cơ sở có vai trò, ý nghĩa rất lớn trong việc giảm tải áp lực đối với tòa án, gia tăng sự đồng thuận trong nhân dân, góp phần ổn định xã hội, phát triển kinh tế tuy nhiên không làm phát sinh chi phí bộ máy. Thông qua hoạt động hoà giải, các mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh ngay từ ban đầu đã được giải quyết kịp thời, triệt để tận gốc rễ. Điều này giúp giảm thiểu tối đa các đơn thư khiếu nại, tố cáo vượt cấp, giảm bớt khối lượng áp lực công việc khổng lồ và chi phí vận hành cho các cơ quan hành chính cũng như hệ thống Tòa án các cấp; thực hiện hiệu quả phương châm phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật từ sớm, từ xa, củng cố vững chắc sự đồng thuận, khối đại đoàn kết toàn dân. Đầu tư cho công tác hoà giải ở cơ sở chính là đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững, hoàn toàn phù hợp với chủ trương chiến lược của Đảng hiện nay. Một nền kinh tế muốn bứt phá phát triển bền vững bắt buộc phải dựa trên một hạ tầng an ninh xã hội ổn định, một môi trường cộng đồng yên bình, không có xung đột, khiếu kiện phức tạp. Do đó, bảo đảm nguồn lực cho hoà giải ở cơ sở không phải là khoản chi tiêu tốn kém, tiêu dùng thường xuyên mà bản chất là khoản đầu tư chiến lược cho an sinh và phát triển kinh tế. Quy định này hiện thực hóa sâu sắc chủ trương lớn của Đảng tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Ngoài ra, để huy động nguồn lực xã hội cho công tác hoà giải ở cơ sở, dự thảo Luật đã bổ sung quy định: *“Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp hỗ trợ công tác hoà giải ở cơ sở”*. Điều này vừa xác định trách nhiệm giữ vai trò chủ đạo của ngân sách nhà nước, vừa tạo điều kiện để huy động, xã hội hóa nguồn đóng góp từ các tổ chức, cá nhân nhằm giảm tải gánh nặng cho ngân sách.

(vi) Về tiêu chuẩn hoà giải viên, bầu, chỉ định hoà giải viên; quyền, nghĩa vụ của hoà giải viên (các Điều 7, 8, 9, 11 và 12)

- Dự thảo Luật bổ sung tiêu chuẩn của hoà giải viên về “Không trong thời gian bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự” để bảo đảm chặt chẽ.

- Về bầu hoà giải viên: Để bảo đảm phù hợp với định hướng, quy định về sắp xếp thôn, tổ dân phố theo Kết luận số 34-KL/TW và quy định pháp luật về tổ chức của thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung các quy định về bầu hoà giải viên để bảo đảm khả thi, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong bối cảnh có sự thay đổi lớn về quy mô thôn, tổ dân phố gồm bổ sung hình thức biểu quyết trực tuyến; bổ sung việc bầu có thể được thực hiện tại từng cụm dân cư; bổ sung quy định tại dự thảo Luật về kết quả bầu chỉ được công nhận khi có trên 50% đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham gia bầu; sửa đổi quy định về người được đề nghị công nhận là hoà giải viên từ điều kiện “phải đạt trên 50% đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý” thành “người được đề nghị công nhận là hoà giải viên phải đạt trên 50% số người **tham gia bầu** đồng ý”; bổ sung quy định cụ thể trường hợp bầu bổ sung, bầu lại...

- Về chỉ định hoà giải viên: Đây là quy định hoàn toàn mới so với Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013. Dự thảo Luật đã bổ sung quy định về chỉ định hoà giải viên tại Điều 9 nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Theo đó, việc chỉ định hoà giải viên được thực hiện trong trường hợp gồm: (i) Đã tổ chức bầu bổ sung hoà giải viên nhưng không đạt mục tiêu đề ra²²; (ii) Đã tổ chức bầu lại nhưng kết quả bầu không có người nào đạt yêu cầu theo quy định hoặc tiếp tục không bảo đảm có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham gia bầu; (iii) Không thể tổ chức bầu hoà giải viên bằng các hình thức theo quy định do sự kiện bất khả kháng. Người được chỉ định làm hoà giải viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn của hoà giải viên và không thuộc trường hợp đã được đưa ra bầu mà có kết quả bầu trên 50% số người tham gia bầu không đồng ý...

- Về quyền của hoà giải viên: Bổ sung một số quyền của hoà giải viên tại Điều 11 gồm được tập huấn kiến thức pháp luật, nghiệp vụ và kỹ năng hoà giải; mời người tham gia hoà giải ở cơ sở; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có chuyên môn pháp luật liên quan đến vụ, việc hoà giải tư vấn, hỗ trợ vụ, việc hoà giải; được trực tiếp đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã, lực lượng Công an cấp xã có phương án bảo đảm an ninh trật tự khi tiến hành vụ, việc hoà giải trong trường hợp nhận thấy mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật có thể dẫn đến hành vi bạo lực gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của các bên và của hoà giải viên hoặc gây mất trật tự công cộng và được hỗ trợ khi ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực hiện các hoạt động hoà giải ở cơ sở bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Về nghĩa vụ của hoà giải viên: Bổ sung một số nghĩa vụ của hoà giải viên tại Điều 12 gồm ghi vụ, việc hoà giải vào Sổ theo dõi hoạt động hoà giải ở cơ sở, lập văn bản về kết quả hoà giải khi có sự đồng ý của các bên; tham gia bồi dưỡng, tập huấn kiến thức và nghiệp vụ, kỹ năng hoà giải ở cơ sở (*đây vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của hoà giải viên để ràng buộc trách nhiệm của hoà giải viên trong việc cập nhật kiến thức, nâng cao kỹ năng hoà giải*).

²² Không đủ về số lượng hoà giải viên trong một tổ hoà giải hoặc không có hoà giải viên nữ; tổ hoà giải ở vùng dân tộc thiểu số không có hoà giải viên là người dân tộc thiểu số

(vii) Về tổ hoà giải, trách nhiệm của tổ hoà giải, Tổ trưởng tổ hoà giải (các điều 14, 15, 16 và 17)

- Bổ sung quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng tổ hoà giải trong một thôn, tổ dân phố bên cạnh việc quyết định số lượng tổ hoà giải trên địa bàn cấp xã và số lượng hoà giải viên trong một tổ hoà giải.

- Bổ sung trách nhiệm của tổ hoà giải trong phối hợp với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trong hoạt động hoà giải ở cơ sở.

- Bổ sung hình thức biểu quyết trực tuyến trong bầu Tổ trưởng tổ hoà giải; bổ sung quy định về điều kiện xác định người được đề nghị công nhận là Tổ trưởng tổ hoà giải tại dự thảo Luật (phải đạt trên 50% tổng số hòa giải viên của tổ hoà giải đồng ý và là người có số phiếu bầu cao nhất).

- Bổ sung mới **02** nghĩa vụ của Tổ trưởng tổ hoà giải trong việc thực hiện thủ tục đề nghị thanh toán thù lao cho hoà giải viên và kinh phí hoạt động của tổ hoà giải theo quy định của pháp luật và quản lý, đôn đốc việc ghi Sổ theo dõi hoạt động hoà giải ở cơ sở.

(viii) Về người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở (các Điều 18, 19 và 20):

- Quy định rõ phạm vi tham gia, vai trò của người được mời tham gia hoà giải gồm: (i) Trực tiếp tham gia hoà giải vụ, việc cùng với hoà giải viên; (ii) Tư vấn, hỗ trợ kiến thức, phương thức, kỹ năng hoà giải cho hoà giải viên (tư vấn nội dung pháp luật, kiến thức chuyên ngành trong các lĩnh vực, kiến thức xã hội, hỗ trợ tra cứu phong tục tập quán của từng vụ, việc hoà giải cụ thể...). Đồng thời, bổ sung quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở (Điều 19 và Điều 20). Việc quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở sẽ góp phần động viên, khuyến khích và tăng cường trách nhiệm của nhóm đối tượng này. Người được mời trực tiếp tham gia hoà giải ở cơ sở được hưởng thù lao khi tiến hành hoà giải theo quy định của pháp luật và được hỗ trợ, tạo điều kiện để khắc phục hậu quả nếu gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hoà giải. Chính phủ quy định chi tiết về thù lao theo vụ, việc hoà giải và kinh phí hỗ trợ, tạo điều kiện để khắc phục hậu quả nếu gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hoà giải của người được mời tham gia trực tiếp tham gia hoà giải và các nội dung liên quan khác.

(ix) Về các bên trong hoà giải ở cơ sở (Điều 21)

- Bổ sung quyền của các bên trong việc lựa chọn, đề xuất người được mời tham gia hoà giải, hình thức hoà giải, đề nghị thay đổi hoà giải viên; bổ sung mới quyền đề nghị hoà giải viên kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp xã hỗ trợ bố trí người phiên dịch trong trường hợp các bên không thể tự bố trí; yêu cầu hoà giải viên lập văn bản về kết quả hoà giải sau khi kết thúc hoà giải và yêu cầu Toà án nhân dân có thẩm quyền công nhận kết quả hoà giải thành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Bổ sung nghĩa vụ của các bên về việc tôn trọng người được mời trực tiếp tham gia hoà giải; nghĩa vụ ký tên hoặc điểm chỉ trong văn bản về kết quả hoà giải và thực hiện thoả thuận hoà giải thành.

(x) *Về yêu cầu công nhận về kết quả hoà giải thành ở cơ sở:* Dự thảo Luật quy định trường hợp một bên hoặc các bên yêu cầu Toà án nhân dân có thẩm quyền công nhận kết quả hoà giải thành thì thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nhằm bảo đảm tính thống nhất với Bộ luật Tố tụng dân sự (khoản 2 Điều 29); bổ sung quyền của các bên trong việc yêu cầu Toà án nhân dân có thẩm quyền công nhận kết quả hoà giải thành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự (điểm g khoản 1 Điều 21) và quy định trong trường hợp các bên đồng ý, hoà giải viên lập văn bản về kết quả hoà giải (gồm cả hoà giải thành và hoà giải không thành) để phục vụ cho mục đích của mỗi bên (khoản 1 Điều 28).

(xi) *Bổ sung các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác hoà giải ở cơ sở nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, hỗ trợ nghiệp vụ của hoà giải viên, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận công tác hoà giải.* Theo đó, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động hoà giải ở cơ sở phù hợp với tiến trình xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số theo quy định của pháp luật (khoản 4 Điều 5); quy định việc bầu hoà giải viên, bầu Tổ trưởng tổ hoà giải có thể bằng hình thức biểu quyết trực tuyến bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được người dân, hoà giải viên thống nhất lựa chọn (Điều 8 và Điều 16); quy định các bên có quyền lựa chọn, đề xuất hình thức hoà giải, trong đó có hình thức hoà giải trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến (khoản 1 Điều 21); quy định việc hoà giải được tiến hành trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến (khoản 1 Điều 25); quy định quyền của hoà giải viên được hỗ trợ khi ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực hiện các hoạt động hoà giải ở cơ sở bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn (khoản 11 Điều 11); quy định việc xây dựng hệ thống thông tin phục vụ quản lý công tác hoà giải ở cơ sở và hỗ trợ hoạt động hoà giải trực tuyến trong nội dung quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở (khoản 2 Điều 31); quy định Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác hoà giải ở cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn (khoản 2 Điều 32).

(xii) *Về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong hoạt động hoà giải ở cơ sở*

- Bổ sung quy định các nội dung quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở (Điều 31).

- Bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc biên soạn, phát hành tài liệu, tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng thực hiện công tác quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở cho cấp xã; chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về hoà giải ở cơ sở tại địa phương; kiểm tra, sơ kết, tổng kết, khen thưởng về hoà giải ở cơ sở; bảo đảm kinh phí cho hoạt động hoà giải ở cơ sở trên địa bàn cấp tỉnh.

- Bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở tại địa phương; bảo đảm kinh phí cho hoạt động hoà giải ở cơ sở trên địa bàn cấp xã; tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng hoà giải ở cơ sở cho hoà giải viên trên địa bàn; chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận

Tổ quốc Việt Nam lồng ghép thực hiện pháp luật về hoà giải ở cơ sở trong xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố và hỗ trợ bố trí phiên dịch trong trường hợp các bên không bố trí được phiên dịch cho mình trên cơ sở đề nghị của hoà giải viên; hỗ trợ tài liệu, phổ biến pháp luật phục vụ hoạt động hoà giải ở cơ sở cho người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở; chỉ đạo, tạo điều kiện cho tổ hoà giải, hoà giải viên thực hiện tốt công tác hoà giải ở cơ sở; chỉ đạo lực lượng Công an cấp xã bảo đảm an ninh trật tự trong quá trình hoà giải trên cơ sở đề nghị trực tiếp của hoà giải viên theo quy định; tiếp nhận để xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật đối với các mâu thuẫn, tranh chấp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hành chính hoặc vi phạm pháp luật hình sự do Tổ trưởng tổ hoà giải báo cáo.

- Bổ sung trách nhiệm của các tổ chức thành viên của Mặt trận trong việc “*huy động các thành viên tham gia hoà giải ở cơ sở và làm hoà giải viên*” (khoản 2 Điều 33).

Bên cạnh đó, dự thảo Luật cũng đã sửa đổi căn cứ tiến hành hoà giải bảo đảm chặt chẽ khi bổ sung quy định việc hoà giải được tiến hành khi vụ, việc thuộc phạm vi hoà giải ở cơ sở và được các bên đồng ý; bổ sung thời hạn phân công hoà giải viên của Tổ trưởng tổ hoà giải trong trường hợp các bên không chọn hoà giải viên; bổ sung trách nhiệm tuân thủ các nguyên tắc tổ chức, hoạt động hoà giải ở cơ sở của người phiên dịch...

b) Những nội dung được lược bỏ

- Bỏ quy định “Ngân sách trung ương chỉ bổ sung cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách để hỗ trợ kinh phí cho công tác hoà giải ở cơ sở” để thống nhất với quy định tại Luật Ngân sách nhà nước (nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm²³).

- Bỏ quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) trong công tác hoà giải ở cơ sở nhằm thực hiện Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- Bỏ quy định trách nhiệm của Bộ Tư pháp, các bộ, cơ quan ngang bộ trong thực hiện quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở. Nội dung này sẽ được quy định tại Nghị định của Chính phủ.

- Bỏ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thành lập, kiện toàn tổ hoà giải và công nhận Tổ trưởng tổ hoà giải, hoà giải viên tại địa phương để bảo đảm thống nhất, tránh trùng lặp với thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Qua rà soát các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên như Công ước quốc tế về quyền dân sự, chính trị (Công

²³ Khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

ước ICCPR), Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (Công ước ICESCR), Công ước quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt, đối xử với phụ nữ (Công ước CEDAW), Công ước quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (Công ước ICERD), Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật (Công ước CRPD), Công ước quốc tế về quyền trẻ em (Công ước CRC), có thể nhận thấy, các điều ước quốc tế nêu trên không có quy định trực tiếp về hoà giải thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật. Tuy nhiên các quy định tại dự thảo Luật bảo đảm được các quyền bình đẳng, không phân biệt đối xử, quyền tiếp cận công lý, quyền của nhóm xã hội dễ bị tổn thương được ghi nhận tại các Công ước.

d) Về phân quyền, phân cấp

Việc phân quyền, phân cấp trong dự thảo Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) được xác định là một nội dung quan trọng, nhằm cụ thể hóa chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời bảo đảm tính chủ động, linh hoạt của chính quyền cơ sở trong tổ chức và thực hiện công tác hoà giải ở cơ sở.

Dự thảo Luật phân định rõ ràng giữa chức năng quản lý, hướng dẫn (cấp tỉnh) và chức năng tổ chức thực hiện (cấp xã), hạn chế sự chồng chéo, trùng lặp. Cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với công tác hoà giải ở cơ sở trên địa bàn, phù hợp với vị trí là cơ quan quản lý nhà nước cấp trên trực tiếp của cấp xã, có điều kiện về nguồn lực, chuyên môn và khả năng điều phối chung trong phạm vi toàn tỉnh. Cấp xã là cấp chính quyền trực tiếp triển khai các hoạt động hoà giải ở cơ sở, được phân cấp thực hiện các nhiệm vụ mang tính tác nghiệp và gắn với thực tiễn địa bàn như: (i) Quyết định thành lập tổ hoà giải và quyết định số lượng tổ hoà giải trên địa bàn, số lượng tổ hoà giải trong một thôn, tổ dân phố và số lượng hoà giải viên trong một tổ hoà giải; (ii) Quản lý, theo dõi, thống kê hoạt động của tổ hoà giải; (iii) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho hoà giải viên; (iv) Bảo đảm kinh phí và điều kiện hoạt động cho tổ hoà giải và hoà giải viên theo quy định. Việc phân cấp cho cấp xã các nhiệm vụ nêu trên là phù hợp với nguyên tắc quản lý theo địa bàn, bảo đảm phân cấp, phân quyền, tính kịp thời, linh hoạt, sát thực tế và phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư. Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) đã được thiết kế theo hướng rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, phù hợp với yêu cầu cải cách tổ chức bộ máy và quản lý nhà nước hiện nay, bảo đảm các yêu cầu gồm: (i) Không trùng lặp về nội dung giữa các cấp; (ii) Phân định rành mạch giữa quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện; (iii) Gắn phân quyền, phân cấp với cơ chế bảo đảm nguồn lực và kiểm soát quyền lực. Việc hoàn thiện các quy định này sẽ góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động hoà giải ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong giai đoạn mới.

d) Về bảo đảm quốc phòng, an ninh

Các quy định của dự thảo Luật bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh. Các quy định tại dự thảo Luật tác động đến công tác hoà giải, giữ gìn đoàn kết cộng đồng, góp phần hỗ trợ bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở. Một số quy định của Luật được rà soát để hoàn thiện, kế thừa để bảo đảm nguyên tắc tổ chức và hoạt động hoà giải không xâm

phạm lợi ích của quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng (điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 4 và khoản 6 Điều 4); bảo đảm an ninh trật tự tại địa bàn cơ sở (khoản 10 Điều 11; khoản 4 Điều 12; điểm c khoản 2 Điều 21; điểm i và k khoản 2 Điều 32)...

e) Về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Theo quy định của Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013, có 05 thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực hoà giải ở cơ sở²⁴. Các quy định của dự thảo Luật không làm phát sinh TTHC chính mới, chỉ mở rộng hình thức lựa chọn hoà giải viên (hình thức công nhận hoặc chỉ định tại thủ tục công nhận hoà giải viên), bổ sung thêm đối tượng thụ hưởng (người được mời trực tiếp tham gia hoà giải) tại thủ tục thanh toán thù lao và hỗ trợ khi gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hoà giải. Các quy định về 05 TTHC thuộc lĩnh vực hoà giải ở cơ sở được quy định ở dự thảo Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) theo hướng chỉ quy định “những vấn đề khung”, “những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội”; các quy định cụ thể, chi tiết thuộc thẩm quyền của Chính phủ và các bộ, ngành sẽ được quy định tại các văn bản hướng dẫn thi hành để “đảm bảo linh hoạt, phù hợp với thực tiễn”, theo đó các quy định trong dự thảo Luật chỉ nêu tên TTHC hoặc thẩm quyền thực hiện TTHC mà không quy định chi tiết trình tự, thủ tục thực hiện các TTHC này.

Dự thảo Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) có quy định riêng về ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Theo đó, quy định khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động hoà giải ở cơ sở phù hợp với tiến trình xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số theo quy định của pháp luật (khoản 4 Điều 5). Bên cạnh đó, trong dự thảo Luật cũng bổ sung nhiều quy định ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số gồm quy định việc xây dựng hệ thống thông tin phục vụ quản lý công tác hoà giải ở cơ sở và hỗ trợ hoạt động hoà giải trực tuyến; quy định các bên có quyền lựa chọn, đề xuất hình thức hoà giải, trong đó có hình thức hoà giải trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến (khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 25); bổ sung quy định về việc biểu quyết bằng hình thức trực tuyến trong bầu hoà giải viên, bầu Tổ trưởng tổ hoà giải (Điều 8 và Điều 16); quy định quyền của hoà giải viên được hỗ trợ khi ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực hiện các hoạt động hoà giải ở cơ sở bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn (khoản 11 Điều 11); quy định việc xây dựng hệ thống thông tin phục vụ quản lý công tác hoà giải ở cơ sở và hỗ trợ hoạt động hoà giải trực tuyến trong nội dung quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở (khoản 2 Điều 31); quy định Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác hoà giải ở cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn (khoản 2 Điều 32)... Các quy định

²⁴ Thủ tục công nhận hoà giải viên; thủ tục thôi làm hoà giải viên; thủ tục công nhận Tổ trưởng tổ hoà giải; thủ tục thanh toán thù lao của hoà giải viên; thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hoà giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hoà giải

này đã bảo đảm sự thuận lợi cho các địa phương trong việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

g) Việc bảo đảm bình đẳng giới và chính sách dân tộc

Dự thảo Luật được xây dựng trên cơ sở thực hiện nguyên tắc bình đẳng giới. Theo đó, dự thảo Luật kế thừa các quy định về nguyên tắc “*Bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở*” (khoản 5 Điều 4), quy định về thành phần tham gia tổ hoà giải phải có ít nhất 01 thành viên là nữ (Điều 14). Ngoài ra, trong toàn bộ dự thảo Luật, các quy định về tiêu chuẩn, hình thức bầu hoà giải viên, bầu Tổ trưởng tổ hoà giải, quyền và nghĩa vụ của hoà giải viên, Tổ trưởng tổ hoà giải, thành phần tổ hoà giải ở cơ sở đều được xây dựng trên nguyên tắc không phân biệt đối xử giữa nam và nữ, bảo đảm bình đẳng giới. Những quy định này góp phần bảo đảm các bên tham gia hoà giải được đối xử bình đẳng, tôn trọng và không bị phân biệt đối xử giữa nam và nữ trong suốt quá trình hoà giải.

Dự thảo Luật cơ bản bảo đảm phù hợp với nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các dân tộc theo tinh thần của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Điều 4 dự thảo Luật nhấn mạnh nguyên tắc hoà giải phải bảo đảm tuân thủ đúng pháp luật của Nhà nước và phù hợp với đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp của Nhân dân; quy định quan tâm đến người dân tộc thiểu số trong công tác hoà giải và quy định các bên có quyền lựa chọn ngôn ngữ là tiếng Việt hoặc ngôn ngữ của dân tộc mình. Điều 14 dự thảo Luật tiếp tục kế thừa quy định tổ hoà giải tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải có hoà giải viên là người dân tộc thiểu số. Điều 25 dự thảo Luật quy định trường hợp hòa giải viên và các bên không hiểu ngôn ngữ của nhau, phải bố trí người phiên ngôn ngữ dân tộc thiểu số, đồng thời quy định “*Tùy thuộc vào vụ, việc cụ thể, trên cơ sở đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp của Nhân dân và quy định của pháp luật, hoà giải viên áp dụng các biện pháp thích hợp nhằm giúp các bên hiểu rõ về quyền lợi, trách nhiệm của mỗi bên trong vụ, việc để các bên thoả thuận việc giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp và tự nguyện thực hiện thoả thuận đó*”. Các quy định trong dự thảo Luật đã thể hiện sự lồng ghép chính sách dân tộc một cách phù hợp, không tách biệt thành cơ chế riêng nhưng bảo đảm tính bao trùm, bình đẳng và tôn trọng đặc thù văn hóa, qua đó bảo đảm các nguyên tắc chính sách dân tộc được thực hiện thực chất, hiệu quả trong thực tiễn.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN, THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Về nguồn lực, điều kiện bảo đảm

a) Về nhân lực

Hiện nay đã hình thành và duy trì ổn định đội ngũ hoà giải viên ở cơ sở cũng như tổ chức bộ máy, biên chế để tham mưu thực hiện quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở từ trung ương đến địa phương. Các cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương được phân công quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở như Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, cơ quan chuyên môn cấp xã và các bộ, cơ quan ngang bộ, sở, ban, ngành

liên quan đã bố trí, phân công đầu mối, công chức tham mưu. Đội ngũ hoà giải viên là nguồn nhân lực lớn trong thực hiện công tác hoà giải ở cơ sở, đây là lực lượng xã hội, là nguồn lực không làm phát sinh biên chế, tổ chức bộ máy. Vì vậy, việc thực hiện các quy định của Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) không làm phát sinh nguồn nhân lực về tổ chức bộ máy và biên chế, sử dụng nguồn nhân lực hiện có để triển khai thi hành. Tuy nhiên, với yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cấp xã được giao thêm nhiệm vụ, khối lượng công việc gia tăng, để thực hiện trách nhiệm, cần tăng cường năng lực cho nguồn nhân lực, đặc biệt là năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý hoà giải ở cơ sở.

b) Kinh phí, cơ sở vật chất, các điều kiện bảo đảm thi hành Luật

Các cơ quan, tổ chức đã được phân công và trang bị trang thiết bị để đảm bảo cơ sở vật chất, nền tảng quản lý và các trang thiết bị khác bảo đảm việc thực thi. Việc bố trí, sử dụng kinh phí được thực hiện theo quy định của pháp luật. Sau khi Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) được ban hành, dự kiến một số hoạt động cơ bản cần bố trí, bảo đảm kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để triển khai trong thực tiễn gồm:

- Xây dựng các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.
- Xây dựng Kế hoạch triển khai và tổ chức các hoạt động triển khai thi hành Luật.
- Thông tin, tổ chức truyền thông, phổ biến Luật sau khi ban hành.
- Kinh phí tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng hoà giải cho hoà giải viên; kinh phí tập huấn nghiệp vụ quản lý nhà nước cho công chức tham mưu quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở cấp tỉnh, cấp xã.
- Kinh phí chi thù lao vụ việc hoà giải, hỗ trợ người được mời tham gia hoà giải nếu gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi tham gia trực tiếp vụ, việc hoà giải; kinh phí cho người phiên dịch.
- Kinh phí xây dựng hệ thống thông tin về hoà giải ở cơ sở và hỗ trợ hoà giải trực tuyến, số hóa tài liệu, bố trí trang thiết bị, phương tiện thực hiện quản lý công tác hoà giải ở cơ sở trên môi trường điện tử; kinh phí tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho công chức tham mưu quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở, hoà giải viên. Việc bố trí, sử dụng kinh phí cho các hoạt động này được kết hợp với quá trình triển khai thực hiện các quy định pháp luật có liên quan (pháp luật về dữ liệu; lưu trữ; ứng dụng công nghệ thông tin; khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo...).

Ngoài bảo đảm kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở từ nguồn ngân sách nhà nước; khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp hỗ trợ công tác hoà giải ở cơ sở. Việc quản lý, sử dụng kinh phí cho công tác hoà giải ở cơ sở thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Thời gian trình thông qua

Theo Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình lập pháp năm 2026, dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) sẽ trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khoá XVI (tháng 10/2026). Tuy nhiên, căn cứ Công văn số 93/UBTVQH16-TH ngày 26/6/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) được trình Quốc hội khoá XVI xem xét thông qua tại Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất.

Trên đây là Tờ trình dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi), Chính phủ xin kính trình Quốc hội xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi); (2) Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; (3) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi); (4) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc trong dự án Luật; (5) Bản so sánh dự thảo Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) với Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013; (6) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với hồ sơ dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi); (7) Báo cáo thẩm định hồ sơ dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi); (8) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định hồ sơ dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi); (9) Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Hoà giải ở cơ sở; (10) Các báo cáo, tài liệu liên quan khác)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ủy ban Văn hoá và Xã hội của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ Tư pháp;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục: TH, QHĐP, CDS;
- Lưu: VT, PL (3)₄₂

TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP



Hoàng Thanh Tùng

